

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 08-4-2025

V/v: *Xin ly hôn, tranh chấp nuôi
con chung*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH CAO BẰNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Quang Thanh
2. Bà Lục Thị Minh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nông Thị Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Cao Bằng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên
tòa:** Ông Nông Tuấn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 8 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2024 về “*Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXX-ST ngày 25 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST ngày 17/3/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị C, sinh ngày 01/9/1998; Nơi đăng ký thường trú: xóm P, xã N, huyện B, tỉnh Cao Bằng; Nơi ở hiện nay: Số A, đường B, shophouse gadens gamuda T, quận H, thành phố Hà Nội. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lý Mỹ N, sinh ngày 28/02/1996; nơi cư trú: xóm P, xã N, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/4/2024, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, quá trình giải quyết vụ án, đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn Dương Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lý Mỹ N đăng ký kết hôn ngày 09/7/2019 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc nhưng đến tháng 3 năm 2020 thì phát

sinh mâu thuẫn nên chị không chung sống cùng anh N. Tháng 10 năm 2021, chị quay trở lại chung sống với anh N nhưng cuộc sống hôn nhân vẫn rơi vào bế tắc, hai bên không có tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy, chị đã ly thân với anh N từ tháng 11 năm 2021 đến nay. Nay chị xác định hôn nhân đã rơi vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lý Mỹ N.

Về con chung: Chị và anh N có 01 con chung là Lý Dương Bình A, sinh ngày 25/11/2018. Hiện nay con chung đang sống cùng với anh N. Sau khi ly hôn, anh N sẽ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, chị sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 03/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung 01 lần.

Về tài sản chung: Hai bên tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/01/2024, quá trình giải quyết vụ án qua 02 phiên hoà giải, bị đơn Lý Mỹ N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị C đăng ký kết hôn ngày 09/7/2019 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Cao Bằng, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Chị C đã bỏ đi khỏi nhà và sống ly thân với anh từ năm 2021 nhưng hiện nay anh vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị C, anh không muốn ly hôn nên anh không đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị C.

Về con chung: Quá trình chung sống, anh và chị C có 01 con chung là cháu Lý Dương Bình A, sinh ngày 25/11/2018. Hiện nay con chung đang do anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Trường hợp ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 03/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, đồng thời, yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con 01 lần.

Về tài sản chung: Anh chị tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, anh N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh không đồng ý ly hôn với chị C do con còn nhỏ và anh vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị C.

Về con chung: Anh giữ nguyên yêu cầu được nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh thay đổi ý kiến, anh không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn; anh bổ sung yêu cầu, yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con từ tháng 12/2019 đến tháng 3/2025 với tổng số tiền là 18.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh bổ sung yêu cầu đề nghị Tòa án buộc chị C phải trả lại tiền sính lễ cho anh khi tổ chức đám cưới với tổng số tiền là 20.000.000 đồng.

Về nợ chung: Anh giữ nguyên ý kiến, vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Kết quả xác minh ngày 25/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện B tại xã N, huyện B, tỉnh Cao Bằng:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh N đều có nơi đăng ký thường trú tại xóm P, xã N, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Chị C và anh N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Cao Bằng ngày 09/7/2019, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Quá trình chung sống, địa phương không thấy chị C và anh N phát sinh mâu thuẫn. Khoảng năm 2020 chị C đi khỏi nhà và không còn chung sống với anh N. Nay chị C làm đơn khởi kiện xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị C và anh N có 01 con chung là Lý Dương Bình A, sinh ngày 25/11/2018. Hiện nay cháu A đang sống chung với anh N và bố mẹ đẻ của anh N. Trường hợp vợ chồng ly hôn thì nên giao cháu A cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng.

** Tòa án tiến hành lấy lời khai của ông Lý Sính V ngày 25/01/2025, ông V khai như sau:* Ông là bố đẻ của anh Lý Mỹ N, chị C và anh N kết hôn và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, C và N sinh sống cùng vợ chồng ông. Quá trình chung sống, C đối xử tốt với vợ chồng ông nhưng từ năm 2020 C bỏ nhà đi. Ông không biết anh N và chị C có mâu thuẫn gì. Nay, chị C có đơn xin ly hôn với N, ông không có ý kiến gì.

Về con chung: Chị C và anh N có 01 con chung là Lý Dương Bình A, sinh ngày 25/11/2018. Trường hợp ly hôn ông đề nghị giao cháu A cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, vợ chồng ông sẽ hỗ trợ anh N chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cháu A.

** Ý kiến của Kiểm sát viên:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự, người tham gia tố tụng khác trong quá trình giải quyết vụ án đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Đề nghị tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Dương Thị C.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị C được ly hôn anh Lý Mỹ N.

Về con chung: Giao cháu Lý Dương Bình A, sinh ngày 25/11/2015 cho anh Lý Mỹ N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị C phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, không đề nghị xem xét.

Đề nghị không xem xét yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con từ tháng 12/2019 đến tháng 3/2025, tiền sinh lễ do không có căn cứ.

Về án phí: Đề nghị buộc chị C phải chịu án phí ly hôn 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Dương Thị C có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung với anh Lý Mỹ N; anh Lý Mỹ N có nơi cư trú tại xóm P, xã N, huyện B, tỉnh Cao Bằng; Căn cứ vào khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Cao Bằng.

Nguyên đơn Dương Thị C có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị C và anh Lý Mỹ N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 09/7/2019 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Cao Bằng nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, chị C trình bày vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, chị đã ly thân với anh N từ năm 2021 đến nay. Chị xác định hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu xin ly hôn với anh N. Anh N qua 02 phiên hoà giải tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay, thừa nhận vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 đến nay nhưng anh N xác định anh vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị C nên không đồng ý ly hôn. Địa phương không rõ mâu thuẫn giữa chị C và anh N.

Hội đồng xét xử thấy rằng, sự thừa nhận của anh N về việc vợ chồng đã ly thân từ năm 2021 đến nay chứng tỏ hai bên không còn tình nghĩa vợ chồng, không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không thể tạo nên một gia đình hạnh phúc. Do đó, căn cứ vào khoản 1, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 3, Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 Nghị quyết hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xác định tình trạng hôn nhân giữa chị C và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó, yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Dương Thị C được chấp nhận. Chị Dương Thị C được ly hôn với anh Lý Mỹ N.

[3] Về con chung: Chị C và anh N có 01 con chung là Lý Dương Bình A,

sinh ngày 25/11/2018, hiện nay cháu A đang chung sống ổn định với anh N tại xóm P, xã N, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Tại các phiên hoà giải, chị C và anh N thoả thuận được giao con chung cho anh N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, tại phiên toà, anh N giữ nguyên ý kiến có nguyện vọng được nuôi con chung. Chính quyền địa phương cũng có ý kiến nên giao con chung cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, sự thoả thuận về giao con chung cho người trực tiếp nuôi dưỡng của các đương sự phù hợp với quy định tại các Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận. Anh Lý Mỹ N được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung Lý Dương Bình A cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng:

[4.1] Tại các phiên hoà giải, các đương sự thoả thuận được mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/tháng, thoả thuận được về thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 3/2025 nhưng tại phiên toà anh Lý Mỹ N là người được trực tiếp nuôi con chung không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn mặc dù anh N đã được Hội đồng xét xử giải thích về việc cấp dưỡng cho con là nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con nhưng anh N vẫn kiên quyết không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, tại các buổi hoà giải anh N yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con nhưng tại phiên toà anh N thay đổi ý kiến, không yêu cầu chị C cấp dưỡng, sự thay đổi ý kiến tại phiên toà là quyền tự quyết định và tự định đoạt của anh N quy định tại khoản 2 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Mặt khác, anh N và chị C sống ly thân từ năm 2021 đến nay, anh N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu A, địa phương xác nhận cháu A đang có cuộc sống ổn định cùng với anh N và bố mẹ đẻ của anh N, anh N có khả năng, điều kiện nuôi dưỡng cháu A, việc anh N không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, do đó, không buộc chị C cấp dưỡng nuôi con chung, phù hợp với quy định tại khoản 1, Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 Nghị quyết hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Chị C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi về mọi mặt của con chung và các bên đương sự có yêu cầu thì Toà án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[4.2] Tại phiên toà, anh N có yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 12/2019 đến tháng 3/2025 với tổng số tiền là 18.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, từ tháng 12/2019 đến tháng 3/2025 anh N và chị C vẫn đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp. Luật Hôn nhân và gia đình tại các Điều 82, Điều 107, Điều 110, Điều 116 quy định về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn, do đó, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng này của anh N.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Toà án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C, căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, chị Dương Thị C phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh N không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con, chị C không cấp dưỡng nuôi con nên không phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Lý Mỹ N không phải chịu án phí.

Xác nhận, chị C đã nộp số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Cao Bằng theo biên lai số 0003600 ngày 25/11/2024. Chị C đã nộp đủ tiền án phí.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[9] Các vấn đề liên quan khác:

[9.1] Quá trình giải quyết vụ án, Toà án lấy lời khai đối với ông Lý Sinh V về mâu thuẫn giữa vợ chồng chị C, anh N nhưng ông V xác nhận không biết; về con chung, ông đề nghị giao con cho anh N nuôi dưỡng; tại các phiên hoà giải, chị C và anh N đã thoả thuận được về người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung, do đó, ông V không phải là người làm chứng theo Điều 77 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án đã không triệu tập ông V tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng.

[9.2] Anh N có yêu cầu buộc chị C phải trả lại tiền sính lễ khi tổ chức cưới hỏi với tổng số tiền 20.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, đây là yêu cầu mới được anh N đưa ra tại phiên toà, yêu cầu này vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu của nguyên đơn theo khoản 1 Điều 188 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó, Hội đồng xét xử không xem xét. Khi có yêu cầu, anh N có quyền khởi kiện một vụ kiện riêng theo quy định của pháp luật.

[10] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà về quan hệ hôn nhân, nuôi con chung, án phí ly hôn phù hợp với các nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận; Các đề nghị về cấp dưỡng nuôi con chung, án phí cấp dưỡng nuôi con chung không phù hợp, không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 107; Điều 110; Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Điểm a khoản 3 Điều 4; khoản 1 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 Nghị quyết hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị C về việc “Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” đối với anh Lý Mỹ N.

1. Quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị C được ly hôn với anh Lý Mỹ N.

2. Về con chung: Giao cháu Lý Dương Bình A, sinh ngày 25/11/2018 cho anh Lý Mỹ N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

3. Cấp dưỡng nuôi con: Chị Dương Thị C không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

4. Tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

5. Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

6. Án phí: Chị Dương Thị C phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Lý Mỹ N không phải chịu án phí.

Xác nhận, chị C đã nộp số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Cao Bằng theo biên lai số 0003600 ngày 25/11/2024. Chị C đã nộp đủ tiền án phí.

7. Quyền kháng cáo: Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện B;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã Nam Cao;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Hoàng Thị Kim